

SƠ LƯỢC SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

● NGUYỄN SƠN TÙNG

TÓM TẮT:

Bài viết trình bày khái quát về quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (BVQVLIHPCĐS) trong tố tụng dân sự (TTDS) qua 3 giai đoạn: trước năm 1989, từ năm 1989 đến 2004 và từ năm 2004 đến nay. Qua đó, có thể thấy sự hình thành và phát triển của lĩnh vực pháp luật này luôn hướng tới bảo vệ tốt hơn quyền của đương sự.

Từ khóa: pháp luật, đương sự, tố tụng dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

1. Giai đoạn trước năm 1989

Trước cách mạng tháng Tám 1945, do đặc điểm của xã hội phong kiến nên luật được đặt ra chủ yếu tập trung vào hình luật còn dân luật chỉ là một vài quy định rải rác trong hình luật. Kể từ khi thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam, vai trò của người BVQVLIHPCĐS tại các Tòa án mới được người dân Việt Nam biết đến sau khi Toàn quyền Pháp ký Sắc lệnh (SL) thành lập Luật sư Đoàn tại Sài Gòn và Hà Nội năm 1884. Tuy nhiên, đối tượng của SL này chỉ là người Pháp và người Việt Nam mang quốc tịch Pháp tại Tòa án Pháp. Hai SL ngày 30/1/1911 và ngày 25/5/1930 đã mở rộng diện những người được luật sư bảo vệ tại các Tòa án và luật sư không bắt buộc phải là người có quốc tịch Pháp. Ngoài ra, đoàn luật sư được mở rộng thêm ở Đà Nẵng. Nhìn chung, thời Pháp thuộc, không có quy định cụ thể về người BVQVLIHPCĐS mà hoạt động

BVQVLIHPCĐS do luật sư thực hiện theo quy định của Pháp. Tuy nhiên, quy định này chỉ là công cụ phục vụ cho bộ máy nhà nước thực dân và luật sư cũng chỉ tham gia BVQVLIHPCĐS chủ yếu trong các vụ án hình sự.

Sau năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký SL số 33C ngày 13/9/1945 về việc thành lập Tòa án quân sự, trong đó khẳng định bị cáo có thể bào chữa hay nhờ người khác bên vực cho mình (Trước đây, bị đơn được gọi là bị cáo vế hộ). Đây, có thể xem, là quy định đầu tiên đánh dấu sự công nhận vai trò của người BVQVLIHPCĐS là người Việt Nam. Sự ra đời của Hiến pháp 1946 thêm một lần nữa quy định về sự tham gia của luật sư để bảo vệ cho nguyên cáo và bị cáo trong các tranh chấp dân sự nếu được họ mượn (Điều 67). Ngoài luật sư, bào chữa viên nhân dân cũng được BVQVLIHPCĐS trong TTDS. Theo SL số 69/SL ngày 21/8/1946: "Nguyên cáo, bị cáo và bị can

có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bên vực cho mình. Công dân đó phải được Chánh án thừa nhận". Giai đoạn này, các sắc lệnh ban hành chủ yếu quy định về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực hình sự mà ít đề cập đến dân sự. Tuy vậy có một vài SL quy định những vấn đề liên quan đến bào chữa viên và sự tham gia của bào chữa viên trong tố tụng trong đó có cả TTDS như SL số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng. Theo quy định của SL này, luật sư có thể tham gia tố tụng để BVQVLIHPCĐS và khi bào chữa luật sư không mặc áo chùng đen. Ngoài ra, Nghị định số 01/NĐ-VY ngày 12/01/1950 của Bộ Tư pháp có quy định điều kiện để làm bào chữa viên là người có quốc tịch Việt Nam không phân biệt dân ông hay dân bà; từ 21 tuổi trở lên; có hạnh kiểm tốt, chưa can án. Theo Nghị định này, bào chữa viên nhân dân (BCVND) khi tham gia tố tụng có địa vị pháp lý như luật sư. Đây là một trong những quy định tiên bộ, nhằm thu hút lực lượng quần chúng tham gia quản lý các hoạt động tư pháp, đảm bảo tính nghiêm minh, khách quan của pháp luật.

Năm 1954, đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội và hệ thống pháp luật khác nhau.

Ở miền Nam, chính quyền ngụy quyền Sài Gòn bên cạnh việc duy trì áp dụng các VBPL được ban hành dưới thời Pháp thuộc thì cũng đã ban hành một số VBPL quy định một số vấn đề liên quan đến việc BVQVLIHPCĐS như Luật số I/62 về quy chế Luật sư và Tổ chức Luật sư Đoàn ngày 18/1/1962, SL số 72/SL/CCDD/PTNNN ngày 5/6/1970 quy định về thủ tục tố tụng của những vụ kiện địa điền, Bộ luật Dân sự và thương sự tố tụng ngày 20/12/1972. Trong các VBPL này, Bộ luật Dân sự và thương sự tố tụng quy định tương đối có hệ thống các vấn đề về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự, có ghi nhận luật sư và những người khác có thể tham gia tố tụng để BVQVLIHPCĐS. Tuy nhiên, các quy định này còn rất ít và chưa cụ thể, mới chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền của đương sự được nhờ người khác bảo vệ trước tòa án.

Ở miền Bắc, sau năm 1954, việc xây dựng pháp luật TTDS được chú trọng. Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 1828/VHC ngày 18/10/1955 về quyền chống án và thời hạn chống án, Thông tư số 2225/HCTP ngày 24/10/1955 về chế độ bào

chữa. Tiếp đó, Nhà nước đã ban hành Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (LTCTAND) năm 1960 và LTCTAND năm 1981. Trong đó, Điều 133 Hiến pháp 1980 quy định: Tổ chức luật sư được thành lập để giúp đỡ đương sự về mặt pháp lý. Cụ thể hóa điều này, Điều 9 LTCTAND năm 1981 quy định đương sự có quyền nhờ Luật sư BVQVLIHP cho mình. Để tăng cường hoạt động giúp đỡ pháp lý cho các công dân và tổ chức, ngày 18/12/1987, Pháp lệnh Luật sư đã được ban hành, trong đó có quy định luật sư có thể tham gia TTDS BVQVLIHPCĐS nhưng với vai trò là người đại diện của đương sự.

Nhìn chung, trước năm 1989, chưa có quy định cụ thể nào về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS. Mặc dù đã có một số quy định về luật sư và BCVND được tham gia tố tụng với những vai trò BVQVLIHPCĐS nhưng địa vị pháp lý của họ chưa được quy định cụ thể. Mặt khác, việc thực hiện quyền được nhờ người khác BVQVLIHPCĐS trong các vụ việc vì những lý do khác nhau nên chưa được thực hiện tốt trên thực tế. Vì vậy, trong thời kỳ này vai trò của người BVQVLIHPCĐS còn khá mờ nhạt.

2. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2004

Năm 1989, Pháp lệnh giải quyết các vụ án dân sự (PLGQCVADS) được ban hành đã đánh dấu sự phát triển mới của pháp luật TTDS Việt Nam, trong đó có cả chế định người BVQVLIHPCĐS trong TTDS. Với sự ra đời của Pháp lệnh này, lần đầu tiên những vấn đề liên quan đến người BVQVLIHPCĐS trong TTDS được pháp luật quy định, cụ thể. Các điều 24, 25 của PLGQCVADS đã quy định về điều kiện tham gia, quyền và nghĩa vụ của người BVQVLIHPCĐS trong TTDS, cụ thể như sau:

"Điều 24. Người bảo vệ quyền lợi của đương sự

1- Đương sự có thể nhờ luật sư, BCVND hoặc người khác được tòa án chấp nhận bảo vệ quyền lợi cho mình;

2- Một người có thể bảo vệ quyền lợi cho nhiều đương sự trong cùng một vụ án, nếu quyền lợi của những người đó không đối lập nhau.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền lợi của đương sự

1- Người bảo vệ quyền lợi của đương sự được tham gia tố tụng từ khi khởi kiện.

2- Người bảo vệ quyền lợi của đương sự có quyền đề nghị thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân

dân, kiểm sát viên, thư ký tòa án, người giám định, người phiên dịch theo quy định tại Chương 3 của Pháp lệnh này; có quyền cung cấp chứng cứ, đề đạt yêu cầu, được đọc hồ sơ vụ án và ghi chép những điểm cần thiết trong hồ sơ tham dự hòa giải, tham gia phiên tòa.

3- Người bảo vệ quyền lợi của đương sự có nghĩa vụ sử dụng các biện pháp do pháp luật quy định để góp phần làm rõ sự thật của vụ án; giúp đương sự về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ.”

Tiếp đó, khi Nhà nước ban hành Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế (PLTTGQCVAKT), Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động (PLTTGQCTTLĐ) thì tương tự như PLTTGQCVADS, tại Điều 23 PLTTGQCVAKT năm 1994 và Điều 23 PLTTGQCTTLĐ năm 1996 đều có quy định về người BVQVLIHPCĐS. Năm 1992, cùng với việc ban hành Hiến pháp mới là hàng loạt các luật và văn bản pháp luật khác quan trọng được ban hành có điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong TTDS như LTCTAND năm 1992, Pháp lệnh Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các bản án quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài năm 1993, Pháp lệnh Luật sư năm 2001... Trong các văn bản pháp luật này đều có những quy định về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS. Điều 132 Hiến pháp năm 1992 quy định "Tổ chức luật sư được thành lập để giúp các đương sự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình". Điều 9 LTCTAND năm 1992 quy định: "Tòa án bảo đảm... quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự". Tại Điều 14 và Điều 15, Pháp lệnh Luật sư năm 2001 có quy định về luật sư có quyền tham gia TTDS và sử dụng biện pháp hợp pháp để BVQVLIHPCĐS.

Như vậy, giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2004 là giai đoạn đánh dấu sự phát triển mới của chế định người BVQVLIHPCĐS trong TTDS, là cơ sở quan trọng để người BVQVLIHPCĐS tham gia tố tụng BVQVLIHPCĐS. Lần đầu tiên những vấn đề liên quan đến người BVQVLIHPCĐS trong TTDS được pháp luật quy định một cách cụ thể hơn nhiều so với các giai đoạn trước.

3. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

Sau nhiều năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước đã phát triển nhiều mặt cả về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật. Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp, ngày

15/6/2004, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XI đã thông qua BLTTDS. Bộ luật này đã quy định toàn bộ những vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự. Sự ra đời của BLTTDS năm 2004 đánh dấu sự phát triển mới của pháp luật TTDS Việt Nam. Cùng với việc ban hành BLTTDS, các cơ quan nhà nước đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành bộ luật này như: Nghị quyết số 32/2004/QH ngày 15/6/2004 của Quốc hội về việc thi hành BLTTDS; Nghị quyết số 742/2004/NQ-UBTVQH ngày 24/12/2004 của UBTVQH về việc giao thẩm quyền các vụ việc dân sự cho TAND, huyện, quận, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; Nghị quyết số 1036/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 về thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự quy định tại Điều 33 BLTTDS cho TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị quyết số 293A/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 27/9/2007 về giao thẩm quyền giải quyết việc dân sự theo Điều 33 BLTTDS cho TAND cấp huyện; Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định tại Chương 8 "Các biện pháp khẩn cấp tạm thời"; Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐTP ngày 17/9/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS về "Chứng cứ và chứng minh"; Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn thi hành các quy định trong Phần 2 "Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm"; Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04/8/2006 hướng dẫn thi hành một số quy định tại Phần III "Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm" của BLTTDS; Thông tư liên tịch số 03/2005/TTLT-VKSNDTC ngày 01/9/2005 của VKSNDTC và TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTDS và sự tham gia của VKSND trong việc giải quyết việc dân sự... Những văn bản pháp luật này đã quy định cụ thể về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS đánh dấu bước chuyển biến mới trong nhận thức về việc BVQVLIHPCĐS tại tòa án cũng như vai trò của người BVQVLIHPCĐS trong việc BVQVLIHPCĐS tại tòa án. Sau đó, các luật quan trọng khác được ban hành như Luật Luật sư 2006, sửa đổi bổ sung một số điều năm 2012, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006. Và để phù hợp với những văn bản nêu trên cũng như thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTDS

trong đó có quy định về người BVQVLIHPCĐS, ngày 29 tháng 3 năm 2011, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS số 65/2011/QH12 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012. Đặc biệt, cùng với việc ra đời của Hiến pháp năm 2013 cũng như Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật TTDS đòi hỏi có những thay đổi toàn diện và đồng bộ với những đạo luật trên, vì vậy, ngày 25/11/2015, Quốc hội khóa XII, tại kỳ họp thứ 10 đã thông qua Bộ luật TTDS năm 2015. Trong đó, những quy định về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS tiếp tục được củng cố và hoàn thiện, cụ thể tại những điểm sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc, Điều 9 BLTTDS năm 2015 quy định về “Bảo đảm quyền BVQVLIHPCĐS”. Theo đó, đương sự có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ luật sư hay người khác có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật này BVQVLIHP của mình. Bên cạnh đó, tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền bảo vệ của họ. Đặc biệt, BLTTDS năm 2015 bổ sung quy định “Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm trợ giúp pháp lý cho các đối tượng theo quy định của pháp luật để họ thực hiện quyền BVQVLIHP trước tòa án”. Để làm rõ hơn việc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự, khoản 4 ghi nhận “Không ai được hạn chế quyền BVQVLIHPCĐS trong TTDS”.

Thứ hai, về đối tượng có thể trở thành người BVQVLIHPCĐS, theo Điều 75 BLTTDS hiện hành, gồm có: Luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư; Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý; Đại diện của tổ chức đại diện tập thể lao động là người BVQVLIHP của NLĐ trong vụ việc lao động theo quy định của pháp luật về lao động, công đoàn; Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích hoặc đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an. Đây là những quy định nhằm đa dạng hóa nguồn đối tượng có thể tham gia BVQLĐS.

Thứ ba, BLTTDS năm 2015 trên cơ sở kế thừa quy định của BLTTDS năm 2004 cũng đã quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của BVQVLIHPCĐS trong TTDS, cụ thể, người này có những quyền và

nghĩa vụ sau: Tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình TTDS; Thu thập và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho tòa án; Nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc BVQVLIHPCĐS; Tham gia việc hòa giải, phiên họp, phiên tòa hoặc trường hợp không tham gia thì được gửi văn bản BVQVLIHPCĐS cho tòa án xem xét; Thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác theo quy định của Bộ luật TTDS; Giúp đương sự về mặt pháp lý liên quan đến việc BVQVLIHP của họ; trường hợp được đương sự ủy quyền thì thay mặt đương sự nhận giấy tờ, văn bản tố tụng mà tòa án tổng đạt hoặc thông báo và có trách nhiệm chuyển cho đương sự; Tôn trọng tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình; Phải có mặt theo giấy triệu tập của tòa án và chấp hành quyết định của tòa án trong quá trình tòa án giải quyết vụ việc; Đề nghị tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; Đề nghị tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định của Bộ luật này; Đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với tòa án những vấn đề cần hỏi người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng; Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.

4. Kết luận

Qua nghiên cứu sự hình thành và phát triển các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS cho thấy trước khi Nhà nước ta ban hành Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 thì chưa có một quy định nào ghi nhận về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS. Tuy vậy, trong các văn bản pháp luật vẫn có những quy định về BVQVLIHPCĐS trong TTDS. Theo đó, các luật sư hoặc bào chữa viên nhân dân là người tham gia tố tụng để BVQVLIHPCĐS. Cho đến thời điểm hiện nay, người BVQVLIHPCĐS đã được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật như Hiến pháp 2013, BLTTDS năm 2004, Bộ luật TTDS năm 2015, Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006, năm 2017 và rất nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan.

Với những quy định cụ thể của pháp luật hiện hành về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS, chúng ta nhận thấy về đối tượng được đa dạng hóa, việc tham gia tố tụng, BVQVLIHPCĐS được thuận lợi, quy định chi tiết các quyền và nghĩa vụ cũng tạo điều kiện để những chủ thể này thực

hiện được đầy đủ vai trò, sứ mệnh của mình trong hoạt động tố tụng. Vì vậy, có thể thấy, cùng với sự phát triển của pháp luật TTDS, các quy định về người BVQVLIHPCĐS trong TTDS ngày một hoàn thiện hơn, góp phần đảm bảo quyền BVQVLIHPCĐS ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Jean - Marie COULON, (1998), Kỹ yếu Hội thảo pháp luật tố tụng dân sự, Nhà Pháp luật Việt-Pháp.
2. Lê Kim Quế, (2004), Một số vấn đề cần nghiên cứu thêm về Dự thảo Bộ luật tố tụng dân sự, *Tạp chí Tòa án nhân dân* tháng 4/2004.
3. Nguyễn Huy Đầu, (1962), Luật Dân sự tố tụng Việt Nam, Sài Gòn.
4. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2019), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 5/1/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/2/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/2/2023

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN SƠN TÙNG

Phòng Công tác sinh viên - Trường Đại học Luật Hà Nội

AN OVERVIEW ON THE DEVELOPMENT OF PROVISIONS FOR THE PROTECTION OF THE LEGITIMATE RIGHTS AND INTERESTS OF THE LITIGANTS IN THE CIVIL LITIGATION

● Master. **NGUYEN SON TUNG**

Office of Student Affairs, Hanoi Law University

ABSTRACT:

This article presents an overview on the development of provisions for the protection of the legitimate rights and interests of the litigants in the civil litigation process through three periods, namely: before 1989, from 1989 to 2004, and from 2004 to present. It can be seen that these provisions have always been improved to better protect the legitimate rights and interests of the litigants.

Keywords: law, litigants, civil proceedings, protection of legitimate rights and interests.